TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAM LÂM **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 09/3/2022
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAM LÂM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Hoài Tâm**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà **Nguyễn Thị Kim Liên**

2/ Ông **Hoàng Quang Thanh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Ngọc Hà** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Cam Lâm.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa*:** Ông **Trần Xuân Ngọc** – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 03 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 199/2021/TLST-HNGĐ ngày 03/11/2021 về việc: "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐST-HNGĐ ngày 07/01/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2022/QĐST-HNGĐ ngày 24/01/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18/02/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Đỗ Thị H** - Sinh năm: 1980
Địa chỉ: thôn St, xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt tại phiên tòa)

2. Bị đơn: Ông **Trần Minh T** - Sinh năm: 1974
Địa chỉ: thôn S, xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt tại phiên toà)

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Trong đơn khởi kiện đề ngày 20/10/2021, biên bản lấy lời khai ngày 09/11/2021, nguyên đơn bà Đỗ Thị H trình bày:

Về yêu cầu ly hôn: Bà Đỗ Thị H và ông Trần Minh T tự nguyện kết hôn với nhau năm 1996 và được UBND xã M, huyện P, tỉnh Bình Định cấp giấy chứng nhận kết hôn số 47, quyển số 01 ngày 03/8/1996.

Trong thời gian chung sống, bà H và ông T đã nảy sinh mâu thuẫn, thường xuyên kình cãi nhau. Nguyên nhân là do ông T thường hay ăn nhậu rồi về nhà gây sự, quậy phá, đánh đập bà H nhưng bà H vẫn cố gắng chịu đựng. Đến cuối năm 2020, ông T đã bỏ nhà ra ở nơi khác nhưng thường xuyên về nhà gây sự đánh bà H. Từ đó

bà H và ông T đã sống ly thân nhau, không ai quan tâm đến ai. Bà H cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã quá trầm trọng, vợ chồng không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống cùng nhau được nên bà H yêu cầu Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Minh T.

Về yêu cầu nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Bà H và ông T có 03 con chung là Trần Minh T sinh năm 1997, Trần Thị Thúy H sinh năm 1999 và Trần Thị Mỹ V sinh ngày 02/02/2008. Hiện nay, anh T và chị H đã trưởng thành và khỏe mạnh nên bà H không yêu cầu giải quyết về việc nuôi con và cấp dưỡng. Cháu V hiện nay đang ở cùng bà H, bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cháu V và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát có ý kiến như sau:

- Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn bà Đỗ Thị H đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn ông Trần Minh T không chấp hành các quy định của pháp luật về tố tụng, đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

- Về nội dung: Yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và hợp lý nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc ly hôn cũng như về việc nuôi con, cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngày 22/10/2021, bà Đỗ Thị H có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Trần Minh T, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm đã thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Trần Minh T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về yêu cầu ly hôn*: Bà Đỗ Thị H và ông Trần Minh T tự nguyện kết hôn với nhau năm 1996 và được UBND xã M, huyện P, tỉnh Bình Định cấp giấy chứng nhận kết hôn số 47, quyển số 01 ngày 03/8/1996, đây là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống giữa bà H và ông T đã xảy ra mâu thuẫn với nhau. Nguyên nhân là do ông T thường xuyên ăn nhậu rồi gây sự quậy phá, đánh đập bà H, từ cuối năm 2020 ông T đã bỏ nhà ra ở nơi khác. Bà H và ông T đã sống ly thân nhau đã hơn một năm, không ai quan tâm đến ai. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên

tòa, Tòa án đã triệu tập nhiều lần để hòa giải nhưng ông T vẫn cố tình vắng mặt, cho thấy thái độ bất cần, không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng của ông T. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông Th đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của bà Đỗ Thị H là có căn cứ.

[3] *Về yêu cầu nuôi con và cấp dưỡng nuôi con:* Bà H và ông T có 03 con chung là Trần Minh T sinh năm 1997, Trần Thị Thúy H sinh năm 1999 và Trần Thị Mỹ V sinh ngày 02/02/2008. Hiện nay, anh T và chị H đều đã trưởng thành và khỏe mạnh, đồng thời bà H không yêu cầu giải quyết về việc nuôi con và cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xét. Đối với cháu V, hiện nay vẫn chưa thành niên, đang sống cùng bà H và cháu V cũng có nguyện vọng ở với mẹ. Hội đồng xét xử xét thấy để đảm bảo cho việc nuôi dưỡng, chăm sóc và phát triển thể chất của cháu V nên chấp nhận yêu cầu của bà H, giao cháu V cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục.

Bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

[4] *Về yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn:* Bà H không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[5] *Về án phí:* Bà H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Đỗ Thị H được ly hôn với ông Trần Minh T.

2. Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con:

- Giao cháu Trần Thị Mỹ V sinh ngày 02/02/2008 cho bà Đỗ Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Đỗ Thị H không yêu cầu nên không xét.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn: Bà Đỗ Thị H không yêu cầu giải quyết nên không xét.

4. Về án phí: Bà Đỗ Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2021/0008883 ngày 26/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cam Lâm; bà Đỗ Thị H đã nộp đủ tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

6. Quy định: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Cam Lâm;
- THADS huyện Cam Lâm;
- UBND xã M, H. P, tỉnh Bình Định;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Hoài Tâm